Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

# Chi tiết mã HS 8504.23

| | |
|---|---|
| **Mã HS** | 8504.23 |
| **Mô tả hàng hóa** | Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện sử dụng điện môi lỏng: / - - Có công suất danh định trên 10.000 kVA: |
| **Đơn vị** | |
| **Thời điểm tạo** | 09/11/2026 17:32:11 |
| **Phiên bản dữ liệu** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Trạng thái xác minh** | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh. |
| **Liên kết** | https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/850423/ |

## 4 dòng thuế thuộc 8504.23

| Mã HS | Mô tả hàng hóa | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 8504.23.10 | Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện sử dụng điện môi lỏng: / - - Có công suất danh định trên 10.000 kVA: / - - - Có công suất danh định không quá 15.000 kVA | chiếc | 7,5% | 5% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8504.23.21 | Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện sử dụng điện môi lỏng: / - - Có công suất danh định trên 10.000 kVA: / - - - Có công suất danh định trên 15.000 kVA: / - - - - Không quá 20.000 kVA | chiếc | 7,5% | 5% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8504.23.22 | Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện sử dụng điện môi lỏng: / - - Có công suất danh định trên 10.000 kVA: / - - - Có công suất danh định trên 15.000 kVA: / - - - - Trên 20.000 kVA nhưng không quá 30.000 kVA | chiếc | 7,5% | 5% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8504.23.29 | Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện sử dụng điện môi lỏng: / - - Có công suất danh định trên 10.000 kVA: / - - - Có công suất danh định trên 15.000 kVA: / - - - - Loại khác | chiếc | 7,5% | 5% | 8 / 10 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.